

Bản án số: 114/2019/DS-ST
Ngày 26 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q; trụ sở tại: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành Phố Hh; Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky, số 26 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận B, Thành Phố H.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Ái V, sinh năm 1993; địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky, số 26 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận B, Thành Phố H là người đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019). Có mặt

- Bị đơn:

1. Anh Phạm Minh V1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 160/5 khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 160/5 khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B. **Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Ái V trình bày:

Ngày 28/11/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Q Chi nhánh Thành Đô - PGD Cách Mạng Tháng Tám (viết tắt là VIB) ký hợp đồng tín dụng số 0173.HĐTD1-VIB668.16 với anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T, có nội dung: VIB cho anh Phạm Minh V1, chị Nguyễn Thị T vay số tiền 300.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình cho căn nhà tại số 156/12 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn vay: 120 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân bằng 8,99%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất cơ sở cộng 3,99%/năm, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của VIB tại từng thời kỳ; Trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 15 (mỗi tháng 2.500.000 đồng); Trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 15. Ngày trả nợ đầu tiên ngày 15/12/2016.

Để đảm bảo khoản vay chị Nguyễn Thị T thế chấp cho VIB Quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa số 1038, tờ bản đồ số B2.1; địa chỉ: Khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B, thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ307473, số vào sổ cấp GCN: CH01671 do Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh B cấp ngày 21/01/2011 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0173.HĐTC-VIB668.16 ngày 01/12/2016, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Dĩ An, tỉnh B, số công chứng 7745, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/12/2016. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2016, VIB đã giải ngân cho anh Phạm Minh V1, chị Nguyễn Thị T theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0173.KU'NN1-VIB668.16 với số tiền 300.000.000 đồng theo đúng yêu cầu và phù hợp với Hợp đồng tín dụng số 0173.HĐTD1-VIB668.16 ngày 28/11/2016.

Khi thực hiện những hợp đồng nêu trên, anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày 15/01/2019. Trong quá trình giải quyết vụ việc, VIB đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để anh Phạm Minh V1, chị Nguyễn Thị T thanh toán nợ vay. Tuy nhiên, anh Phạm Minh V1, chị Nguyễn Thị T vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật.

Tạm tính đến ngày 26/11/2019, anh Phạm Minh V1, chị Nguyễn Thị T còn nợ VIB số tiền: **265.996.100 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm đồng), trong đó:

Nợ gốc: 227.500.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 25.975.088 đồng

Nợ lãi quá hạn: 12.524.012 đồng

Vì vậy, VIB yêu cầu buộc anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho VIB số tiền (tạm tính đến ngày 26/11/2019) là: **265.996.100 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm đồng)

Tiền lãi, lãi quá hạn tiếp tục tính kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi anh Phạm Minh V1, chị Nguyễn Thị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0173.HĐTD1-VIB668.16 ngày 28/11/2016 đã ký.

Trong trường hợp anh Phạm Minh V1, chị Nguyễn Thị T không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì VIB được quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa số 1038, tờ bản đồ số B2.1; địa chỉ: Khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B, thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 307473, số vào sổ cấp GCN: CH01671 do Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh B cấp ngày 21/01/2011 để thu hồi nợ vay cho VIB. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với VIB. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho VIB.

- Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Minh V1 vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 02/10/2019 anh Phạm Minh V1 trình bày:

Anh Phạm Minh V1 thống nhất lời trình bày của người đại diện nguyên đơn VIB về thời gian ký các hợp đồng tín dụng, nội dung của hợp đồng, số tiền vay, quá trình trả nợ và việc ký hợp đồng thế chấp tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ thì gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên chậm thanh toán lãi cho ngân hàng. Anh Phạm Minh V1 xác định đến thời điểm ngày 23/10/2019, vợ chồng anh Vũ còn nợ VIB là số tiền 261.938.447 đồng (cả gốc và lãi). Anh Phạm Minh V1 đồng ý trả số nợ theo yêu cầu cho Ngân hàng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu được trả dần.

- Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 14/10/2019 chị Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất lời trình bày anh Phạm Minh V1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (VIB) đối với bị đơn anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Minh V1 được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, **chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy**, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Hợp đồng tín dụng số 0173.HĐTD1-VIB668.16 ngày 28/11/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Thành Đô - phòng giao dịch Cách Mạng Tháng Tám với anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng này, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T số tiền vay 300.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 02/12/2016, thời hạn của khoản vay này là 120 tháng kể từ **ngày 03/12/2016**. Đây là hình thức vay trả gốc, lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng đối với khoản

vay này, anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T chỉ trả được 72.500.000 đồng tiền gốc. Từ ngày 15/01/2019 anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T phải trả nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh là có căn cứ. Tại bản tự khai, anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T cũng chấp nhận trả số nợ gốc 227.500.000 đồng và nợ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T về nghĩa vụ thanh toán nợ.

[2.2] Về xử lý tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, chị Nguyễn Thị T thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q quyền sử dụng đất có diện tích 221,6m² thuộc thửa đất số 1038 tờ bản đồ số B2.1 tại khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0173.HĐTC-VIB668.16. Qua xem xét thực tế trên diện tích đất thế chấp hiện có 01 nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, cột gạch + khung bê tông cốt thép, phía trước có đồ xê nô mặt tiền, trần thạch cao, cửa sắt kính + mái tôn; 01 mái che tôn có kết cấu: Nền bê tông xi măng, cột sắt tròn + kèo sắt hộp.

Toàn bộ căn nhà hiện có trên đất là của anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T, được hình thành từ trước khi thế chấp quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Do các tài sản này gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp và thuộc sở hữu của người thế chấp nên sẽ được xử lý cùng với quyền sử dụng đất trong trường hợp anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T không có khả năng trả nợ theo quy định của khoản 3 Điều 318 và khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T phải chịu và có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo quy định của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, và Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T.

1.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng 0173.HĐTD1-VIB668.16 ngày 28/11/2016 tính đến ngày 26/11/2019 là **265.996.100**

đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm đồng), trong đó gồm:

Nợ gốc: 227.500.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 25.975.088 đồng

Nợ lãi quá hạn: 12.524.012 đồng

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

1.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T không có khả năng tự nguyện thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 221,6m² thuộc thửa đất số 1038 tờ bản đồ số B2.1 tại khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0173.HĐTC-VIB668.16 và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, cột gạch + khung bê tông cốt thép, phía trước có đồ xô nôm mặt tiền, trần thạch cao, cửa sắt kính + mái tôn; 01 mái che tôn có kết cấu: Nền bê tông xi măng, cột sắt tròn + kèo sắt hộp. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất khi phát mãi được dùng để bảo đảm thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T phải nộp 13.299.805 (mười ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn tám trăm lẻ năm nghìn) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q 6.337.000 (sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029266 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q 500.000 đồng (năm trăm nghìn) đồng.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ D
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2019.

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 358/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q; trụ sở tại: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành Phố H; Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky, số 26 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận B, Thành Phố H.

1. Anh Phạm Minh V1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 160/5 khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 160/5 khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, và Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T.

1.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng 0173.HĐTD1-VIB668.16 ngày 28/11/2016 tính đến ngày 26/11/2019 là **265.996.100 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm đồng), trong đó gồm:

Nợ gốc: 227.500.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 25.975.088 đồng

Nợ lãi quá hạn: 12.524.012 đồng

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

1.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T không có khả năng tự nguyện thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 221,6m² thuộc thửa đất số 1038 tờ bản đồ số

B2.1 tại khu phố TH, phường T, thị xã D, tỉnh B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0173.HĐTC-VIB668.16 và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, cột gạch + khung bê tông cốt thép, phía trước có đồ xô nôm mặt tiền, trần thạch cao, cửa sắt kính + mái tôn; 01 mái che tôn có kết cấu: Nền bê tông xi măng, cột sắt tròn + kèo sắt hộp. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất khi phát mãi được dùng để bảo đảm thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T phải nộp 13.299.805 (mười ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn tám trăm lẻ năm nghìn) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q 6.337.000 (sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029266 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Phạm Minh V1 và chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q 500.000 đồng (năm trăm nghìn) đồng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút, ngày tháng năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA